

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/DS-ST

Ngày: 14-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-DS ngày 10/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1972; HKTT: Ấp D, H, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1976; HKTT: Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà T, bị đơn bà U có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/5/2021, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà T trình bày:**

Bà T và bà U có mối quan hệ quen biết nên từ năm 2020 đến năm 2021, bà T có cho bà U vay 04 lần tiền, cụ thể:

- Ngày 25/4/2020, bà U vay 50.000.000 đồng;
- Ngày 20/5/2020, bà U vay thêm 50.000.000 đồng;
- Ngày 20/6/2020, bà U tiếp tục vay 161.000.000 đồng, trong đó có 160.000.000 đồng tiền vay và 1.000.000 đồng tiền nợ mủ trước đó;
- Ngày 07/01/2021, bà U vay thêm 200.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà T cho bà U vay là 461.000.000 đồng. Các lần vay tiền đều có chữ ký và dấu vân tay xác nhận nợ của bà U. Mục đích vay tiền là để làm ăn. Tuy nhiên từ đầu năm 2021, khi bà T cần tiền thì bà U không trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà U thanh toán 461.000.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện 10/5/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/5/2021; bản tự khai ngày 10/5/2021 và ngày 22/6/2021, “Giấy mượn tiền” ghi ngày 25/4/2020; “Giấy mượn tiền” lập ngày 20/5/2020; “Giấy mượn tiền” ngày 20/6/2020; “giấy mượn tiền” ngày 07/01/2021.

*** Theo biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2021, ngày 25/4/2022, ngày 03/8/2022, bản tự khai ngày 17/01/2022, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà U trình bày:**

Bà U thừa nhận ngày 25/4/2020, bà U vay bà T 50.000.000 đồng; ngày 20/5/2020, bà U vay thêm 50.000.000 đồng; ngày 20/6/2020, bà U vay thêm 161.000.000 đồng. Tổng cộng là 261.000.000 đồng. Mỗi lần vay bà U nhận tiền mặt từ bà T. Do gấp khăn và bà U đã đóng lãi quá nhiều cho bà T nên bà U có xin bà T ngưng lấy lãi và thỏa Tân với bà T là chỉ nợ 200.000.000 đồng thay vì phải nợ 261.000.000 đồng. Do đó, ngày 07/01/2021, hai bên có lập giấy mượn tiền chốt lại số nợ là 200.000.000 đồng. Do tin tưởng bà T nên bà U không yêu cầu hủy bỏ các giấy nợ cũ dẫn đến việc bà T vẫn còn giấy nợ gốc để khởi kiện.

Quá trình thực hiện, bà U không có tiền trả nợ nên ngày 12/3/2021, bà U có chuyển nhượng cho bà T 18m chiều ngang, trong đó có 02m ngang cần trừ nợ. Cụ thể là ban đầu, bà U và ông L chuyển nhượng cho bà T 15m chiều ngang, dài 100m. Tuy nhiên, thời điểm bán đất do chiều dài có 70m nên bà U và ông L cần thêm (cho thêm) 01m ngang là 16m. Đồng thời, chuyển nhượng thêm 02m chiều ngang có giá trị 200.000.000 đồng để trừ khoản nợ 200.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 07/01/2021.

Hiện nay, bà U không còn nợ bà T bất kỳ khoản nợ nào. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà U đồng ý thanh toán 200.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 07/01/2021 cho bà T. Đối với khoản nợ 261.000.000 đồng thì bà U không đồng ý.

Chứng cứ bị đơn cung cấp: Bản tự khai ngày 17/01/2022; hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng QSDĐ (ngày 03/10/2020, ngày 26/7/2020, 30/8/2020, 12/3/2021).

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2022, người làm chứng ông Nguyễn Văn C trình bày:** Ông C không biết việc thỏa Tân giữa bà T và bà U về việc chốt

lại số nợ 200.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 07/01/2021 thay cho số nợ 261.000.000 đồng vay trước đó. Đồng thời ông cũng không biết và không chứng kiến sự việc cản trừ 02m ngang đất của bà U cho bà T để trừ số nợ 200.000.000 đồng.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành T thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có mặt, người làm chứng có yêu cầu vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử cho phiên tòa được tiếp tục để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề nghị khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, buộc bị đơn bà U phải thanh toán khoản vay còn nợ là 461.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã T thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T, bị đơn bà U có mặt. Người làm chứng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định.

[2] Bị đơn bà U có hộ khẩu thường tại ấp D, huyện P, tỉnh Bình Dương nên vụ án Tộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà T yêu cầu bà U thanh toán 461.000.000 đồng theo đơn khởi kiện ban đầu. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà U chỉ đồng ý thanh toán 200.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 07/01/2021. Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng:

[3.1] Các “Giấy mượn tiền” ngày 25/4/2020; “Giấy mượn tiền” ngày 20/5/2020; “Giấy mượn tiền” ngày 20/6/2020; “giấy mượn tiền” ngày 07/01/2021 đều chữ ký và dấu vân tay xác nhận nợ của bà U. Bị đơn, bà U thừa nhận chữ ký “U” và dấu vân tay trong các giấy nợ trên là của bị đơn, điều này phù hợp với lời trình bày của bà T và Kết luận giám định số 424/GĐ-PC09 ngày 11/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự tỉnh Bình Dương. Đây là tình tiết, sự

kiện được các bên đương sự thừa nhận nên là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Theo 04 giấy vay bà T cung cấp thể hiện số tiền cho vay là 461.000.000 đồng, hai bên không thỏa Tận về lãi suất và bà T cũng không yêu cầu bà U thanh toán tiền lãi. Thời hạn thanh toán đối với giấy mượn tiền ngày 25/4/2020 là ngày 25/7/2020 với số tiền 50.000.000 đồng. Đối với ba giấy mượn tiền còn lại thì không ghi thời hạn thanh toán. Bà T nhiều lần yêu cầu bà U thanh toán nhưng bà U không thực hiện. Từ khi Tòa án thụ lý đơn kiện của nguyên đơn vào tháng 6/2021 cho đến nay, bà U vẫn chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.3] Đối với ý kiến của bà U cho rằng trước đây, bà U có vay bà T ba lần với tổng số tiền 261.000.000 đồng nhưng sau đó hai bên đã chốt lại số nợ trên là 200.000.000 đồng theo “giấy mượn tiền” ngày 07/01/2021. Đồng thời, ngày 12/3/2021, bà U chuyển nhượng thêm 02m đất chiều ngang trong tổng số 18m ngang tọa lạc tại ấp D, xã H, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, giá trị 200.000.000 đồng cho bà T để trừ khoản nợ trên nên hiện tại bà U và bà T không còn nợ gì nhau. Chứng cứ bà U cung cấp là hợp đồng đặt cọc ngày 12/3/2021 giữa bà T và bà U, trong đó, nội dung hợp đồng có thỏa Tận bà U nhận chuyển nhượng 18m ngang đất của bà U và ông L và người làm chứng ông C có chứng kiến sự việc trên. Ngày 22/4/2022, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc yêu cầu đương sự giao nộp chứng cứ số 153/TB-TA ngày 22/4/2022, yêu cầu bà U cung cấp chứng cứ chứng minh cho ý kiến trên của bị đơn. Tuy nhiên, đến nay bà U không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, người làm chứng ông Nguyễn Văn Có trình bày không biết gì về việc thỏa Tận cản trừ 02 m ngang đất giữa bà T và bà U nên ý kiến của bà U cho rằng ông Có biết sự việc trên là chưa đủ cơ sở. Từ những lý do trên, yêu cầu của bà U không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có giá trị chứng minh nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bà U không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bà U chấp nhận thanh toán số tiền 200.000.00 đồng cho bà T theo giấy mượn tiền ngày 07/01/2021. Đây là sự tự nguyện của bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì ông Tô Tiến L không biết sự việc bà U vay nợ của bà T và ông Lượng. Bị đơn bà U cũng thừa nhận ông Lượng không biết việc thỏa Tận cản trừ 02 m ngang đất vào số nợ 200.000.000 đồng nên Tòa án không đưa ông Lượng vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí giám định: Quá trình thụ lý vụ án, bà U không thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trên "Giấy mượn tiền" ngày 25/4/2020; "Giấy mượn tiền" ngày 20/5/2020; "Giấy mượn tiền" ngày 20/6/2020 nên bà T đã yêu cầu thực hiện thủ tục giám định. Tại Kết luận giám định số 424/GĐ-PC09 ngày 11/10/2021 của Phòng kỹ Thuật hình sự tỉnh Bình Dương thể hiện chữ ký, dấu vân tay trên các giấy mượn tiền là của bà U nên bà U phải chịu chi phí giám định là 2.040.000 đồng.

[8] Về án phí: Bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 227, 229, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trần Thị T đối với bà Nguyễn Thị U.

Buộc bà Nguyễn Thị U phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị T số tiền 461.000.000 đồng (*bốn trăm sáu mươi một triệu đồng*) theo "Giấy mượn tiền" ngày 25/4/2020; "Giấy mượn tiền" ngày 20/5/2020; "Giấy mượn tiền" ngày 20/6/2020 và "giấy mượn tiền" ngày 07/01/2021.

Kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị U không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Nguyễn Thị U còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Chi phí giám định: Chi phí giám định là 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng). Bà T đã nộp tạm ứng xong nên buộc bà Nguyễn Thị U phải nộp 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng) để hoàn trả lại cho bà Trần Thị T.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị U phải chịu số tiền 22.440.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

3.2. Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền 11.220.000 đồng (mười một triệu hai hai mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số AA/2021/0057874 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 14/9/2022).

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Mỹ

Nguyễn Thị Kim Phi

Nguyễn Tuấn Nam

